

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 8 năm 2022*

**BIÊN BẢN**  
**Về việc tự kiểm tra bệnh viện lần 2 năm 2022**

1. Thời gian: 26/07/2022
2. Địa điểm: Phòng 1 – Lầu 4 – khu L
3. Nội dung:
  - 3.1 Cách thức tổ chức:
    - Thời điểm thực hiện: đúng tiến độ
    - Thành viên đoàn kiểm tra tham dự: đúng theo quyết định.
    - Cách chấm điểm: Phòng Quản lý chất lượng đã hướng dẫn cách kiểm tra và chấm điểm trước khi bắt đầu kiểm tra, tuy nhiên sau khi kiểm tra có một số vấn đề cần chú ý sau:
      - Chưa nhận xét đủ các phần trong PL3.
  - 3.2 Kết quả nội dung tự kiểm tra:
    - **Mặt mạnh:** hầu hết các khoa/phòng đều đang triển khai và duy trì các nội dung trong Bộ tiêu chí, bên cạnh đó cũng đã cải tiến hoạt động để nâng điểm chất lượng ở 1 số tiêu chí, bằng chứng phù hợp với nội dung tự đánh giá
    - **Mặt yếu:**
      - Hệ thống CNTT chưa đáp ứng yêu cầu ở 1 số khoa/phòng.
      - Máy lấy số tự động chưa bố trí ở 1 số khoa khám.
      - Chưa có phần mềm hay công cụ tính thời gian khám bệnh.
      - Hồ sơ tài liệu cần cập nhật phiên bản mới.
    - **Kết quả kiểm tra theo Bộ tiêu chí:**



| STT | MÃ TIÊU CHÍ | TÊN TIÊU CHÍ  | TIÊU MỤC   | KHOA PHÒNG PHỤ TRÁCH | ĐIỂM MỤC TIÊU 2022 | ĐIỂM ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG | TM CHƯA ĐẠT  |
|-----|-------------|---|--|----------------------|--------------------|--------------------------|--|
| 1.  | A1.1        | Người bệnh được chỉ dẫn rõ ràng, đón tiếp và hướng dẫn cụ thể   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- TM 1→ 9 (Mức 1, 2)</li> <li>- TM 13→ 34 (Mức 3,4, 5)</li> </ul>   | HCQT                 | 5                  | 5                        |  |
|     |             |   | TM 10 → 12 (Mức 2)   | CTXH                 |                    |                          |  |
| 2.  | A1.2        | Người bệnh được chờ đợi trong phòng đầy đủ tiện nghi và được vận chuyển phù hợp với tình trạng bệnh tật | <ul style="list-style-type: none"> <li>- TM 1→ 4 (Mức 1, 2)</li> <li>- TM 6→ 8, 10 (Mức 3)</li> <li>- TM 15→ 18 (Mức 4)</li> <li>- TM 20→22 (Mức 5)</li> </ul> | HCQT                 | 5                  | 5                        |  |
|     |             |   | TM 5 (Mức 2)   | VTTBYT               |                    |                          |  |
|     |             |   | TM 9 (Mức 3)   | ĐD                   |                    |                          |  |
|     |             |   | TM 19 (Mức 4)  |                      |                    |                          |  |
|     |             |   | TM 11, 12 (Mức 3)  | KHTH                 |                    |                          |  |
|     |             |   | TM 11, 12 (Mức 3)  | KSNK                 |                    |                          |  |
| 3.  | A1.3        | Cải tiến quy trình khám bệnh, đáp ứng sự hài lòng người bệnh  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- TM 1→11 (Mức 1,2,3)</li> <li>- TM 12→ 17 (Mức 4)</li> <li>- TM 18, 20→22 (Mức 5)</li> </ul>                           | CSTS                 | 5                  | 4                        | - TM 19, 20 (Mức 5)  |
|     |             |   |  | HM                   |                    |                          |  |
|     |             |   |  | KPK                  |                    |                          |  |
|     |             |   |  | CCCD                 |                    |                          |  |
|     |             |   |  | KHGD                 |                    |                          |  |
|     |             |   | TM19 (Mức 5)   | CNTT                 |                    |                          | - TM19 (Mức 5)   |
| 4.  | A1.4        | Bệnh viện bảo đảm các điều kiện cấp cứu người bệnh kịp thời   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- TM 1→9 (Mức 2)</li> <li>- TM 10, 12→15 (Mức 3)</li> <li>- TM 16 →22 (Mức 4)</li> </ul>                                | CCCD                 | 5                  | 3                        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- TM4: cập nhật lại quy định</li> <li>- TM 17, 18, 20, 21 (Mức 4)</li> <li>- Mức 5</li> </ul> |



| STT | MÃ TIÊU CHÍ | TÊN TIÊU CHÍ   | TIÊU MỤC   | KHOA PHÒNG PHỤ TRÁCH | ĐIỂM MỤC TIÊU 2022 | ĐIỂM ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG | TM CHƯA ĐẠT  |
|-----|-------------|--|--|----------------------|--------------------|--------------------------|--|
|     |             |  | – TM 11 (Mức 3)<br>– TM 19 (Mức 4)                           | VTTBYT               |                    |                          |  |
|     |             |  | – TM 23 (Mức 4)<br>– TM 24→27 (Mức 5)                        | KHTH                 |                    |                          | – TM 26, 27 (Mức 5)  |
| 5.  | A1.5        | Người bệnh được làm các thủ tục đăng ký, khám bệnh theo đúng thứ tự bảo đảm tính công bằng và mức ưu tiên          | – TM 1→15  | CSTS                 | 5                  | 4                        | – TM 15 (Mức 5) do Phòng CNTT đang thực hiện.                          |
|     |             |  | – TM 1→15  | HM                   |                    |                          |  |
|     |             |  | – TM 1→15  | KPK M                |                    |                          |  |
|     |             |  | – TM 1→15  | ĐVPS N               |                    |                          |  |
|     |             |  | – TM 1→15  | CCCĐ                 |                    |                          |  |
|     |             |  | – TM 1→15  | KHGĐ                 |                    |                          |  |
| 6.  | A1.6        | Người bệnh được hướng dẫn và bố trí làm xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng theo trình tự thuận tiện | – TM 1→ 9 (Mức 3)<br>– TM 12→15 (Mức 4)<br>– TM 17→20(Mức 5) | CĐHA                 | 5                  | 2                        | – TM 6, 8, 9 (Mức 3)<br>– TM 14, 15 (Mức 4)<br>– TM 17, 18, 20 (Mức 5) |
|     |             |  |  | XN                   |                    |                          | – TM 6 (Mức 3)<br>– TM 19, 20 (Mức 5)                                  |
|     |             |  |  | XN DTYH              |                    |                          | – TM 20 (Mức 5)  |
|     |             |  |  | GPB                  |                    |                          |  |
|     |             |  | – TM 10, 11 (Mức 4)  | CNTT                 |                    |                          |  |
|     |             |  | – TM 16 (Mức 5)  | KHTH                 |                    |                          |  |
|     |             |  |  |                      |                    |                          |  |
| 7.  | A2.1        | Người bệnh điều trị nội trú được nằm một người một giường  | – TM 1<br>– TM 3→8, 10, 12→14 (Mức 2, 3, 4)                  | ĐD                   | 5                  | 4                        | Giường bệnh không đồng bộ, không đầy đủ tính năng.                     |



| STT | MÃ TIÊU CHÍ | TÊN TIÊU CHÍ   | TIỂU MỤC                     | KHOA PHÒNG PHỤ TRÁCH | ĐIỂM MỤC TIÊU 2022 | ĐIỂM ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG | TM CHƯA ĐẠT   |
|-----|-------------|--|------------------------------|----------------------|--------------------|--------------------------|---|
|     |             |  | - TM 15 (Mức 5)              |                      |                    |                          |   |
|     |             |  | - TM 2 (Mức 2)               |                      |                    |                          |   |
|     |             |  | - TM 9, 11 (Mức 4)           | HCQT                 |                    |                          | - TM 17 (Mức 5)                                     |
|     |             |  | - TM 16, 17 (Mức 5)          |                      |                    |                          |   |
| 8.  | A2.2        | Người bệnh được sử dụng buồng vệ sinh sạch sẽ và đầy đủ các phương tiện                | - TM 1→ 22                   | HCQT                 | 5                  | 4                        | - TM 21, 22 (Mức 5)                                 |
| 9.  | A2.3        | Người bệnh được cung cấp vật dụng cá nhân đầy đủ, sạch sẽ, chất lượng tốt              | - TM 1→17                    | HCQT                 | 5                  | 5                        |   |
| 10. | A2.4        | Người bệnh được hưởng các tiện nghi bảo đảm sức khỏe, nâng cao thể trạng và tâm lý     | - TM 1→ 7 (Mức 3)            | HCQT                 | 5                  | 3                        | - TM 13 (Mức 4)                                     |
|     |             |  | - TM 8, 10→17 (Mức 4, 5)     |                      |                    |                          |   |
|     |             |  | - TM 9 (Mức 4)               | PHCN                 |                    |                          | - Tại phòng bệnh chưa được trang bị mạng không dây. |
| 11. | A2.5        | Người khuyết tật được tiếp cận với các khoa, phòng và dịch vụ khám, chữa bệnh trong BV | - TM 1, 3→6 (Mức 1, 2, 3, 4) | HCQT                 | 5                  | 4                        | - TM 8, 10, 11 (Mức 5)                              |
|     |             |  | - TM 7→11 (Mức 5)            |                      |                    |                          |   |
|     |             |  | - TM 2 (Mức 2)               | VTTBYT               |                    |                          |   |
| 12. | A3.1        | Người bệnh được điều trị trong môi trường, cảnh quan xanh, sạch, đẹp                   | - TM 1→15                    | HCQT                 | 5                  | 5                        |   |
| 13. | A3.2        |  | - TM 1→12 (Mức 4)            | HCQT                 | 5                  | 5                        |   |



| STT             | MÃ TIÊU CHÍ | TÊN TIÊU CHÍ   | TIÊU MỤC                | KHOA PHÒNG PHỤ TRÁCH | ĐIỂM MỤC TIÊU 2022 | ĐIỂM ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG | TM CHƯA ĐẠT             |
|-----------------|-------------|--|-------------------------|----------------------|--------------------|--------------------------|-------------------------|
|                 |             | Người bệnh được khám và điều trị trong khoa/phòng gọn gàng, ngăn nắp     | - TM 13, 14, (Mức 5)    |                      |                    |                          |                         |
|                 |             |  | - TM 15, 16, 17 (Mức 5) | ĐD                   |                    |                          |                         |
| 14.             | A4.1        | Người bệnh được cung cấp thông tin và tham gia vào quá trình điều trị    | - TM 1, 3→5 (Mức 1, 2)  | KHTH                 | 4                  | 4                        | - Mức 5                 |
|                 |             |  | - TM 14 (Mức 3)         |                      |                    |                          |                         |
|                 |             |  | - TM 15→20 (Mức 4, 5)   | QLCL                 |                    |                          |                         |
|                 |             |  | - TM 8 (Mức 2)          | ĐD                   |                    |                          |                         |
|                 |             |  | - TM 6,7 (Mức 2)        |                      |                    |                          |                         |
|                 |             |  | - TM 9→13 (Mức 3)       |                      |                    |                          |                         |
|                 |             |  | - TM 2 (Mức 2)          | HCQT                 |                    |                          |                         |
| 15.             | A4.2        | Người bệnh được tôn trọng quyền riêng tư                                 | - TM 1→7 (Mức 1,2)      | KHTH                 | 5                  | 5                        |                         |
|                 |             |  | - TM 8 (Mức 2)          | ĐD                   |                    |                          |                         |
|                 |             |  | - TM 10, 12 (Mức 3)     |                      |                    |                          |                         |
|                 |             |  | - TM 13 (Mức 4)         |                      |                    |                          |                         |
|                 |             |  | - TM 15, 17, 18 (Mức 5) | HCQT                 |                    |                          |                         |
| - TM 11 (Mức 3) |             |  |                         |                      |                    |                          |                         |
|                 |             |  | - TM 14 (Mức 4)         |                      |                    |                          |                         |
|                 |             |  | - TM 16 (Mức 5)         |                      |                    |                          |                         |
| 16.             | A4.3        | Người bệnh được nộp viện phí thuận tiện, công khai, minh bạch, chính xác | - TM 1→21               | TCKT                 | 4                  | 4                        | - TM 16, 17, 18 (Mức 5) |



| STT | MÃ TIÊU CHÍ | TÊN TIÊU CHÍ   | TIÊU MỤC          | KHOA PHÒNG PHỤ TRÁCH | ĐIỂM MỤC TIÊU 2022 | ĐIỂM ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG | TM CHƯA ĐẠT         |
|-----|-------------|--|-------------------|----------------------|--------------------|--------------------------|---------------------|
| 17. | A4.4        | Người bệnh được hưởng lợi từ chủ trương xã hội hóa y tế  | - Không thực hiện |                      |                    |                          |                     |
| 18. | A4.5        | Người bệnh có ý kiến phàn nàn, thắc mắc hoặc khen ngợi được bệnh viện tiếp nhận, phản hồi, giải quyết kịp thời | - TM 1→20         | KHTH                 | 5                  | 5                        |                     |
| 19. | A4.6        | Bệnh viện thực hiện khảo sát, đánh giá sự hài lòng người bệnh và tiến hành các biện pháp can thiệp             | - TM 1→17         | TCCB                 | 5                  | 5                        |                     |
| 20. | B1.1        | Xây dựng kế hoạch phát triển nhân lực bệnh viện  | - TM 1→14         | TCCB                 | 5                  | 4                        | - TM 13, 14 (Mức 5) |
| 21. | B1.2        | Bảo đảm và duy trì ổn định số lượng nhân lực bệnh viện   | - TM 1→16         | TCCB                 | 5                  | 5                        |                     |
| 22. | B1.3        | Bảo đảm cơ cấu chức danh nghề nghiệp và xác định vị trí việc làm của nhân lực BV                               | - TM 1→18         | TCCB                 | 5                  | 5                        |                     |
| 23. | B2.1        | Nhân viên y tế được đào tạo liên tục và phát triển kỹ năng nghề nghiệp   | - TM 1→20         | TCCB                 | 5                  | 4                        | - TM 19, 20 (Mức 5) |
| 24. | B2.2        | Nhân viên y tế được nâng cao kỹ năng giao tiếp, ứng xử, y đức  | - TM 1→17         | TCCB                 | 5                  | 4                        | - Mức 5             |



| STT | MÃ TIÊU CHÍ | TÊN TIÊU CHÍ   | TIÊU MỤC  | KHOA PHÒNG PHỤ TRÁCH | ĐIỂM MỤC TIÊU 2022 | ĐIỂM ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG | TM CHƯA ĐẠT         |
|-----|-------------|--|---|----------------------|--------------------|--------------------------|---------------------|
| 25. | B2.3        | Bệnh viện duy trì và phát triển bền vững chất lượng nguồn nhân lực         | - TM 1→18   | TCCB                 | 5                  | 4                        | - TM 16, 18 (Mức 5) |
| 26. | B3.1        | Bảo đảm chính sách tiền lương, chế độ đãi ngộ của nhân viên y tế           | - TM 1→15   | TCCB                 | 5                  | 5                        |                     |
| 27. | B3.2        | Bảo đảm điều kiện làm việc và vệ sinh lao động cho nhân viên y tế          | - TM 1→4 (Mức 1, 2)<br>- TM 7, 10 (Mức 3)<br>- TM 11, 12 (Mức 4)                                    | HCQT                 | 5                  | 5                        |                     |
|     |             |  | - TM 5, 6 (Mức 2)<br>- TM 8 (Mức 3)   | VTTBYT               |                    |                          |                     |
|     |             |  | - TM 9 (Mức 3)<br>- TM 13 (Mức 4)<br>- TM 14→17 (Mức 5)   | TCCB                 |                    |                          |                     |
| 28. | B3.3        | Sức khỏe, đời sống tinh thần của nhân viên y tế được quan tâm và cải thiện | - TM 1 (Mức 1)<br>- TM 2, 3 (Mức 2)<br>- TM 4, 5 (Mức 3)<br>- TM 8→10 (Mức 4)<br>- TM 12→15 (Mức 5) | HCQT                 | 5                  | 5                        |                     |
|     |             |  | - TM 6,<br>- 7 (Mức 3)<br>- TM 11 (Mức 4)   | TCCB                 |                    |                          |                     |



| STT | MÃ TIÊU CHÍ | TÊN TIÊU CHÍ   | TIÊU MỤC  | KHOA PHÒNG PHỤ TRÁCH | ĐIỂM MỤC TIÊU 2022 | ĐIỂM ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG | TM CHƯA ĐẠT  |
|-----|-------------|--|-----------|----------------------|--------------------|--------------------------|--|
| 29. | B3.4        | Tạo dựng môi trường làm việc tích cực và nâng cao trình độ chuyên môn              | - TM 1→18 | TCCB                 | 5                  | 4                        | - TM 16, 17, 18 (Mức 5)  |
| 30. | B4.1        | Xây dựng kế hoạch, quy hoạch, chiến lược phát triển bệnh viện và công bố công khai | - TM 1→19 | KHTH                 | 5                  | 2                        | - TM 5 (Mức 3)<br>- TM 9,10 (Mức 4)<br>- Mức 5<br>- Bản kế hoạch chưa thể hiện rõ các mục tiêu qua các chỉ số đích có thể đo lường được. |
| 31. | B4.2        | Triển khai thực hiện văn bản chỉ đạo dành cho bệnh viện                            | - TM 1→16 | HCQT                 | 4                  | 4                        | - TM 15, 16 (Mức 5)  |
| 32. | B4.3        | Bảo đảm chất lượng nguồn nhân lực quản lý bệnh viện                                | - TM 1→19 | TCCB                 | 3                  | 3                        | - TM 12 (Mức 4)<br>- TM 16 →19 (Mức 5)   |
| 33. | B4.4        | Bồi dưỡng, phát triển đội ngũ lãnh đạo và quản lý kế cận                           | - TM 1→14 | TCCB                 | 3                  | 3                        | - TM 8 (Mức 4)<br>- TM 10 (Mức 5)  |
| 34. | C1.1        | Bảo đảm an ninh, trật tự BV  | - TM 1→21 | HCQT                 | 5                  | 4                        | - TM21 (Mức 5)   |
| 35. | C1.2        | Bảo đảm an toàn điện và phòng cháy, chữa cháy                                      | - TM 1→37 | HCQT                 | 5                  | 2                        | - TM 17 → 19 (Mức 3)<br>- TM 30 (Mức 4)<br>- TM 34, 36 (Mức 5)   |
| 36. | C2.1        | Hồ sơ bệnh án được lập đầy đủ, chính xác, khoa học                                 | - TM 1→23 | KHTH                 | 4                  | 4                        | - TM 20 →23 (Mức 5)  |



| STT | MÃ TIÊU CHÍ | TÊN TIÊU CHÍ  | TIÊU MỤC  | KHOA PHÒNG PHỤ TRÁCH | ĐIỂM MỤC TIÊU 2022 | ĐIỂM ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG | TM CHƯA ĐẠT  |
|-----|-------------|---|---|----------------------|--------------------|--------------------------|--|
| 37. | C2.2        | Hồ sơ bệnh án được quản lý chặt chẽ, đầy đủ, khoa học                             | - TM 1→17   | KHTH                 | 4                  | 1                        | - TM 5 (Mức 2)<br>- TM 8 (Mức 3)<br>- TM 10 (Mức 4)<br>- TM 15 →17 (Mức 5) |
| 38. | C3.1        | Quản lý tốt cơ sở dữ liệu và thông tin y tế                                       | - TM 1→22   | KHTH                 | 4                  | 2                        | - TM 11 (Mức 3)<br>- Mức 4, 5  |
| 39. | C3.2        | Thực hiện các giải pháp ứng dụng CNTT trong quản lý và hoạt động chuyên môn       | - TM 1→22   | CNTT                 | 3                  | 3                        | - TM 11,12,14,15 (Mức 4)<br>- Mức 5  |
| 40. | C4.1        | Thiết lập và hoàn thiện hệ thống kiểm soát nhiễm khuẩn                            | - TM 1→21   | KSNK                 | 5                  | 5                        |  |
| 41. | C4.2        | Xây dựng và hướng dẫn nhân viên y tế thực hiện các quy trình KSNK trong bệnh viện | - TM 1→13   | KSNK                 | 5                  | 4                        | - TM 11 →13 (Mức 5)  |
| 42. | C4.3        | Triển khai chương trình và giám sát tuân thủ vệ sinh tay                          | - TM 1, 3, 4 (Mức 1, 2)<br>- TM 6, 9, 10, 11 (Mức 3)<br>- TM 14→21 (Mức 4, 5) | KSNK                 | 5                  | 4                        | - TM 18, 19 (Mức 5)  |
|     |             |   | - TM 2, 5 (Mức 1, 2)<br>- TM 12 (Mức 14)                                      | HCQT                 |                    |                          |  |
|     |             |   | - TM 7, 8 (Mức 3)<br>- TM 13 (Mức 4)  | VTTBYT               |                    |                          |  |



| STT | MÃ TIÊU CHÍ | TÊN TIÊU CHÍ  | TIÊU MỤC  | KHOA PHÒNG PHỤ TRÁCH | ĐIỂM MỤC TIÊU 2022 | ĐIỂM ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG | TM CHƯA ĐẠT                            |
|-----|-------------|---|-----------|----------------------|--------------------|--------------------------|--|
| 43. | C4.4        | Giám sát, đánh giá việc triển khai KSNK trong bệnh viện   | - TM 1→20 | KSNK                 | 5                  | 4                        | TM 18, 20 (Mức 5)                      |
| 44. | C4.5        | Chất thải rắn y tế được quản lý chặt chẽ, xử lý an toàn và tuân thủ theo đúng quy định                        | - TM 1→29 | KSNK                 | 4                  | 4                        | - TM 22→24, 26, 28, 29 (Mức 5)         |
| 45. | C4.6        | Chất thải lỏng y tế được quản lý chặt chẽ, xử lý an toàn và tuân thủ theo đúng quy định                       | - TM 1→20 | HCQT                 | 4                  | 4                        | - Mức 5                                |
| 46. | C5.1        | Thực hiện danh mục kỹ thuật theo phân tuyến kỹ thuật  | - TM 1→17 | KHTH                 | 5                  | 3                        | - TM 11 (Mức 4)<br>- TM 16, 17 (Mức 5) |
| 47. | C5.2        | Nghiên cứu và triển khai áp dụng các kỹ thuật mới, phương pháp mới  | - TM 1→18 | KHTH                 | 5                  | 1                        | - TM 5, 6 (Mức 2)<br>- Mức 3, 4, 5     |
| 48. | C5.3        | Áp dụng các hướng dẫn quy trình kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh và triển khai các biện pháp giám sát chất lượng | - TM1→18  | KHTH                 | 5                  | 4                        | - Mức 5                                |
| 49. | C5.4        | Xây dựng các hướng dẫn chẩn đoán và điều trị  | - TM 1→19 | KHTH                 | 5                  | 5                        |  |
| 50. | C5.5        | Áp dụng các hướng dẫn chẩn đoán và điều trị đã ban hành và giám sát việc thực hiện                            | - TM 1→17 | KHTH                 | 3                  | 3                        | - Mức 4, 5                             |



| STT | MÃ TIÊU CHÍ | TÊN TIÊU CHÍ  | TIÊU MỤC  | KHOA PHÒNG PHỤ TRÁCH | ĐIỂM MỤC TIÊU 2022 | ĐIỂM ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG | TM CHƯA ĐẠT  |
|-----|-------------|---|-----------|----------------------|--------------------|--------------------------|--|
| 51. | C6.1        | Hệ thống quản lý điều dưỡng được thiết lập đầy đủ và hoạt động hiệu quả             | - TM 1→30 | ĐD                   | 5                  | 4                        | - TM 26 → 30 (Mức 5)                                     |
| 52. | C6.2        | Người bệnh được tư vấn, giáo dục sức khỏe khi điều trị và trước khi ra viện         | - TM 1→19 | ĐD                   | 5                  | 5                        |  |
| 53. | C6.3        | Người bệnh được theo dõi, chăm sóc phù hợp với tình trạng bệnh và phân cấp chăm sóc | - TM 1→29 | ĐD                   | 5                  | 4                        | - TM 24, 25, 26 (Mức 5)                                  |
| 54. | C7.1        | Hệ thống tổ chức thực hiện công tác dinh dưỡng và tiết chế được thiết lập đầy đủ    | - TM 1→17 | DDTC                 | 4                  | 4                        | - TM 17 (Mức 5)  |
| 55. | C7.2        | Bảo đảm cơ sở vật chất thực hiện công tác dinh dưỡng và tiết chế                    | - TM 1→26 | DDTC                 | 5                  | 4                        | - TM 23 (Mức 5)  |
| 56. | C7.3        | Người bệnh được đánh giá, theo dõi tình trạng dinh dưỡng trong thời gian nằm viện   | - TM 1→13 | DDTC                 | 5                  | 4                        | - TM 11→13 (Mức 5)                                       |
| 57. | C7.4        | Người bệnh được hướng dẫn, tư vấn chế độ ăn phù hợp với bệnh lý                     | - TM 1→12 | DDTC                 | 5                  | 4                        | - TM10 →12 (Mức 5)                                       |
| 58. | C7.5        | Người bệnh được cung cấp chế độ dinh dưỡng phù hợp với                              | - TM 1→15 | DDTC                 | 5                  | 3                        | - TM 8 (Mức 3)<br>- TM 10, 11 (Mức 4)<br>- TM 15 (Mức 5) |



| STT | MÃ TIÊU CHÍ | TÊN TIÊU CHÍ  | TIÊU MỤC          | KHOA PHÒNG PHỤ TRÁCH | ĐIỂM MỤC TIÊU 2022 | ĐIỂM ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG | TM CHƯA ĐẠT   |
|-----|-------------|---|-------------------|----------------------|--------------------|--------------------------|---|
|     |             | bệnh lý trong thời gian nằm viện  |                   |                      |                    |                          |   |
| 59. | C8.1        | Bảo đảm năng lực thực hiện các xét nghiệm theo phân tuyến kỹ thuật          | - TM 1→24         | XN                   | 5                  | 3                        | - TM 24 (Mức 5)   |
|     |             |   | - TM 1→24         | XNDTYH               |                    |                          | - TM 18 (Mức 4)   |
|     |             |   | - TM 1→24         | GPB                  |                    |                          | - TM 24 (Mức 5)   |
| 60. | C8.2        | Thực hiện quản lý chất lượng các xét nghiệm                                 | - TM 1→22         | XN                   | 5                  | 2                        | - TM 20 (Mức 4)   |
|     |             |   |                   | XNDTYH               |                    |                          | - TM 22 (Mức 5)   |
|     |             |   |                   | GPB                  |                    |                          | - TM 16 (Mức 3)   |
|     |             |   |                   |                      |                    |                          | - TM 20 (Mức 4)   |
|     |             |   |                   |                      |                    |                          | - TM 21, 22 (Mức 5)   |
|     |             |   |                   |                      |                    |                          | - TM 19 (Mức 4)   |
|     |             |   |                   |                      |                    |                          | - Mức 5   |
| 61. | C9.1        | Bệnh viện thiết lập hệ thống tổ chức hoạt động dược                         | - TM 1→18         | DƯỢC                 | 3                  | 5                        |   |
| 62. | C9.2        | Bảo đảm cơ sở vật chất và các quy trình kỹ thuật cho hoạt động Dược         | - TM 1→32         | DƯỢC                 | 4                  | 4                        | - TM 13,14 (Mức 5): chưa có bằng chứng đủ mạnh<br>- TM 31 (Mức 5) |
| 63. | C9.3        | Cung ứng thuốc và vật tư y tế tiêu hao đầy đủ, kịp thời, bảo đảm chất lượng | - TM 1→10, 14 →18 | DƯỢC                 | 4                  | 4                        | - TM 15 → 18 (Mức 5): không thực hiện                             |
|     |             |   | - TM 11,12,13     | VTTBYT               |                    |                          | - TM 11,12,13 : cần bổ sung thêm bằng chứng                       |
| 64. | C9.4        | Sử dụng thuốc an toàn, hợp lý   | - TM 1→25         | DƯỢC                 | 4                  | 4                        | - TM 22, 24, 25 (Mức 5)   |



| STT | MÃ TIÊU CHÍ | TÊN TIÊU CHÍ   | TIÊU MỤC   | KHOA PHÒNG PHỤ TRÁCH | ĐIỂM MỤC TIÊU 2022 | ĐIỂM ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG | TM CHƯA ĐẠT   |
|-----|-------------|--|--|----------------------|--------------------|--------------------------|---|
| 65. | C9.5        | Thông tin thuốc, theo dõi báo cáo phản ứng có hại của thuốc kịp thời, đầy đủ và có chất lượng                    | - TM 1→22  | DƯỢC                 | 5                  | 3                        | - TM 18 (Mức 4)<br>- TM 20, 21 (Mức 5)                    |
| 66. | C9.6        | Hội đồng thuốc và điều trị được thiết lập và hoạt động hiệu quả  | - TM 1→15  | DƯỢC                 | 5                  | 3                        | - TM 10 (Mức 4)   |
| 67. | C10.1       | Tích cực triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học  | - TM 1, 2 (Mức 1)<br>- TM 5 (Mức 2)<br>- TM 7→17 (Mức 3, 4, 5) | QLCL                 | 4                  | 3                        | - TM 13, 14 (Mức 4)<br>- TM 15, 17 (Mức 5)                |
|     |             |  | - TM 3 (Mức 2)   | HCQT<br>CNTT         |                    |                          |   |
|     |             |  | - TM 4 (Mức 2)<br>- TM 6 (Mức 3)                               | KHTH                 |                    |                          |   |
| 68. | C10.2       | Áp dụng kết quả nghiên cứu khoa học vào việc cải tiến chất lượng khám, chữa bệnh và nâng cao hoạt động bệnh viện | - TM 1→10  | QLCL                 | 4                  | 3                        | - Mức 4,5   |
| 69. | D1.1        | Thiết lập hệ thống quản lý chất lượng bệnh viện  | - TM 1→21  | QLCL                 | 5                  | 4                        | - TM 18 → 20 (Mức 5)                                      |
| 70. | D1.2        | Xây dựng và triển khai kế hoạch, đề án cải tiến chất lượng bệnh viện   | - TM 1→19 (Mức 1, 2, 3, 4, 5)<br>- TM 20 (Mức 5)               | QLCL<br>TCCB         | 5                  | 3                        | - TM 10 (Mức 4)<br>- TM 15 →19 (Mức 5)<br>- TM 20 (Mức 5) |
|     |             |  | - TM 1→5 (Mức 1, 2)<br>- TM 7→9 (Mức 3)                        | QLCL                 |                    |                          | 5   |
| 71. | D1.3        | Xây dựng văn hóa chất lượng  | - TM 1→5 (Mức 1, 2)<br>- TM 7→9 (Mức 3)                        | QLCL                 | 5                  | 5                        |   |



| STT | MÃ TIÊU CHÍ | TÊN TIÊU CHÍ   | TIÊU MỤC   | KHOA PHÒNG PHỤ TRÁCH | ĐIỂM MỤC TIÊU 2022 | ĐIỂM ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG | TM CHƯA ĐẠT                            |
|-----|-------------|--|--|----------------------|--------------------|--------------------------|--|
|     |             |  | - TM 13→16 (Mức 4)<br>- TM 17→ 22 (Mức 5)                  |                      |                    |                          |  |
|     |             |  | - TM 6 (Mức 2)<br>- TM 10→12 (Mức 4)                       | HCQT                 |                    |                          |  |
| 72. | D2.1        | Phòng ngừa các nguy cơ, diễn biến bất thường xảy ra với người bệnh                     | - TM 1, 2 (Mức 1, 2)<br>- TM 8 (Mức 4)<br>- TM 15 (Mức 5)  | ĐD                   | 4                  | 3                        | - TM 9 (Mức 4)<br>- TM 11 → 15 (Mức 5) |
|     |             |  | - TM 9 (Mức 4)   | QLCL                 |                    |                          | - TM 9 (Mức 4)                         |
|     |             |  | - TM 3 (Mức 2)<br>- TM 5 (Mức 3)<br>- TM 12→14 (Mức 5)     | HCQT                 |                    |                          | - TM12,13,14 (Mức 5)                   |
|     |             |  | - TM 4 (Mức 3)<br>- TM 6, 7 (Mức 4)<br>- TM 10, 11 (Mức 5) | VTTBYT               |                    |                          | - TM 11 (Mức 5)                        |
|     |             |  |  |                      |                    |                          |  |
| 73. | D2.2        | Xây dựng hệ thống báo cáo, phân tích sự cố y khoa và tiến hành các giải pháp khắc phục | - TM 1→21  | QLCL                 | 5                  | 4                        | - TM 20 (Mức 5)                        |
| 74. | D2.3        | Thực hiện các biện pháp phòng ngừa để giảm thiểu các sự cố y khoa                      | - TM 1→4,8<br>- TM 13→19                                   | QLCL                 | 5                  | 5                        |  |
|     |             |  | - TM 5→12  | KHTH                 |                    |                          |  |
| 75. | D2.4        | Bảo đảm xác định chính xác người bệnh khi cung cấp dịch vụ                             | - TM 1→18  | ĐD                   | 5                  | 5                        |  |



| STT | MÃ TIÊU CHÍ | TÊN TIÊU CHÍ  | TIÊU MỤC  | KHOA PHÒNG PHỤ TRÁCH | ĐIỂM MỤC TIÊU 2022 | ĐIỂM ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG | TM CHƯA ĐẠT                                     |
|-----|-------------|---|-----------|----------------------|--------------------|--------------------------|---|
| 76. | D2.5        | Phòng ngừa nguy cơ người bệnh bị trượt ngã  | - TM 1→21 | HCQT                 | 5                  | 5                        |   |
| 77. | D3.1        | Đánh giá chính xác thực trạng và công bố công khai chất lượng bệnh viện   | - TM 1→16 | QLCL                 | 4                  | 2                        | - TM 7, 9 (Mức 3)<br>- TM 13 (Mức 4)<br>- Mức 5 |
| 78. | D3.2        | Đo lường và giám sát cải tiến chất lượng bệnh viện  | - TM 1→15 | QLCL                 | 5                  | 3                        | - TM 9, 10 (Mức 4)<br>- TM 14, 15 (Mức 5)       |
| 79. | D3.3        | Hợp tác với cơ quan quản lý trong việc xây dựng công cụ, triển khai, báo cáo hoạt động quản lý chất lượng bệnh viện | - TM 1→11 | QLCL                 | 5                  | 3                        | - TM 9 (Mức 4)<br>- Mức 5                       |
| 80. | E1.1        | Thiết lập hệ thống tổ chức chăm sóc sản khoa và sơ sinh   | - TM 1→17 | TCCB                 | 3                  | 3                        | - TM 13 (Mức 4)<br>- TM 14 (Mức 5)              |
| 81. | E1.2        | Hoạt động truyền thông sức khỏe sinh sản, sức khỏe bà mẹ, trẻ em  | - TM 1→14 | CTXH                 | 5                  | 4                        | - TM 14 (Mức 5)                                 |
| 82. | E1.3        | Thực hành tốt nuôi con bằng sữa mẹ  | - TM 1→29 | ĐD                   | 5                  | 5                        |   |
| 83. | E2.1        | Bệnh viện thiết lập hệ thống tổ chức chăm sóc nhi khoa  | - TM 1→29 | SS                   | 3                  | 3                        | - TM 11 (Mức 4)<br>- TM 13, 16 (Mức 5)          |



| NỘI DUNG                       | KT BV LẦN 2 |
|--------------------------------|-------------|
| - Điểm TB mục tiêu             | 4,61        |
| - Điểm thực hiện đã nhân hệ số | 326         |
| - Số tiêu chí tính điểm        | 89          |
| - Điểm TB kiểm tra             | 3.66        |

❖ Một số nguyên nhân chính chưa đạt điểm chất lượng:

- Nhiều tiêu chí chưa đạt điểm mục tiêu do chưa tới kỳ báo cáo.
- Một số khoa/phòng chưa chuẩn bị đầy đủ số liệu bằng chứng, hồ sơ.
- Các TM liên quan đến CNTT chưa được hoàn thành.
- Quyết định về đối tượng người bệnh ưu tiên do BV ký với băng dán tại các ô phòng khám chưa khớp nhau.
- Một số khoa/phòng đã xây dựng kế hoạch nhưng chưa triển khai thực hiện.
- Kho lưu trữ HSBA không thông thoáng, không ngăn nắp, không đủ giá, kệ để sắp xếp.
- Chưa tổ chức diễn tập PCCC năm 2022.
- Các lớp tập huấn đang diễn ra, chưa hoàn tất.
- Chưa đủ điều kiện trang bị xe vận chuyển thức ăn giữ nhiệt.

❖ Giải pháp:

- Khoa/phòng phụ trách tiếp tục thực hiện các nội dung tiêu chí chưa đạt mục tiêu đến hết năm 2022.
- Phòng CNTT hỗ trợ các khoa/phòng hoàn thành các mục tiêu.
- Tăng cường 5S tại các khoa/phòng.
- Tăng cường an ninh bệnh viện.

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



BS. CKII Phạm Thanh Hải

KT. TRƯỞNG PHÒNG



ThS. BS. Trần Thị Liên Hương